

Ninh Bình, ngày 15 tháng 7 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cơ quan Sở Y tế Ninh Bình công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

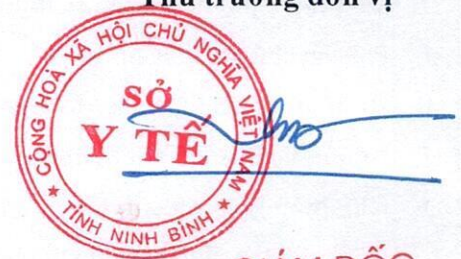
ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	700	544	78%	133%
1	Phí cấp chứng chỉ hành nghề Y, Dược	700	544		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0		
I	Chi sự nghiệp y tế				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	0	0		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0		
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	700	544		
I	Phí cấp chứng chỉ hành nghề Y, Dược	700	544		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.142	10.363	45%	
1	Chi quản lý hành chính	10.479	5.203	50%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.828	4.919		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	651	284		
2	Chi sự nghiệp y tế	2.974	1.167	39%	
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-			

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.974	1.167		
3	Sự nghiệp đào tạo khoản 085	200	185		
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	200	185		
4	Chi bảo đảm xã hội	800	182	22,75%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	800	182		
4	Chi thực hiện một số nhiệm vụ tính giao	80	10		
4,1	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	20			
4,2	KP thực hiện CTMTQG XD Nông thôn mới	50			
4,3	Kinh phí tổ chức Lễ hội Hoa Lư	10	10		
5	Giao bổ sung trong năm	8609	3616	42%	
	KP thực hiện các chính sách (NĐ 178)	3.557	3.557		
	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Phần mềm quản lý bệnh án điện tử tập trung tỉnh NB	4.932	5		
	KP thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2025	110	54		
	KP thực hiện CTMTQG PTKTXH vùng dân tộc thiểu số và miền núi	10			

Ngày 15 tháng 7 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Hạnh